

Số: 5760/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 11 năm 2012

SỞ QUẢN LÝ	HIỆN TRÚC TP
ĐỀ	12634/102 cup
Ngày:	23/11/2012

QUYẾT ĐỊNH

Về duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung
xây dựng quận 7 đến năm 2020, tỷ lệ 1/5.000

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 06 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Quyết định số 699/2002/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển và cải tạo lưới điện thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2002 - 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 791/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển khu vực thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu (nhóm cảng biển số 5) đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 1 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ duyệt quy hoạch phát triển giao thông vận tải khu vực thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-TTg ngày 06 tháng 1 tháng 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 729/QĐ-TTg ngày 19 tháng 6 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt quy hoạch cấp nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 21/2005/QĐ-BXD ngày 22 tháng 7 năm 2005 của Bộ xây dựng về ban hành hệ thống ký hiệu bản vẽ trong các đồ án quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng”;

Căn cứ Thông tư số 33/2009/TT-BXD ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Xây dựng ban hành QCXDVN 03:2009/BXD) (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân loại, phân cấp công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị);

Căn cứ Thông tư số 02/2010/TT-BXD ngày 05 tháng 2 năm 2010 của Bộ Xây dựng ban hành QCVN 07:2010/BXD (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị);

Căn cứ Thông báo số 236-TB/TU ngày 31 tháng 10 năm 2011 của Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh về quy hoạch tổng thể cấp nước thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố thành phố về duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025 và Quyết định số 4809/QĐ-UBND ngày 22 tháng 10 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các cụm công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 5665/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7;

Căn cứ Quyết định số 50/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố về lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch đô thị trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 3563/TTr-SQHKT ngày 31 tháng 10 năm 2012 về trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7 đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7 đến năm 2020, với các nội dung chính như sau:

(đính kèm hồ sơ đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7, tỷ lệ 1/5.000)

1. Vị trí, diện tích và phạm vi ranh giới khu vực quy hoạch: quận 7 có vị trí phía Nam thành phố Hồ Chí Minh, các mặt giáp giới như sau:

- Phía Đông giáp : quận 2 và tỉnh Đồng Nai;

- Phía Tây giáp : quận 8 và huyện Bình Chánh;
- Phía Nam giáp : huyện Nhà Bè;
- Phía Bắc giáp : quận 4 và quận 2.

Diện tích khu vực quy hoạch điều chỉnh là 3.546,79 ha.

2. Mục tiêu của đồ án:

- Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7 có tính khả thi cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên, điều kiện về kinh tế và xã hội. Khắc phục được những bất cập quy hoạch chung đã được phê duyệt trước đây.

- Định hướng phát triển không gian và xác định phân khu chức năng hợp lý, khai thác quỹ đất xây dựng có hiệu quả, đảm bảo phát triển kinh tế xã hội, giữ gìn cảnh quan, môi trường bền vững.

- Tổ chức các khu chức năng đô thị mang tính đồng bộ về hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, đáp ứng nhu cầu phát triển.

- Phục vụ tốt công tác quản lý và phát triển đô thị một cách hài hòa theo đúng quy hoạch được phê duyệt, tạo điều kiện thuận lợi cho các dự án đầu tư phát triển đồng bộ, hạn chế phát triển tự phát.

3. Tính chất, chức năng quy hoạch:

Tính chất, chức năng: chức năng ở, thương mại, dịch vụ - công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp và có trung tâm cấp thành phố ở khu vực phía Nam thuộc khu đô thị Phú Mỹ Hưng.

4. Dự báo quy mô dân số, cơ cấu sử dụng đất, các chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đô thị toàn khu vực quy hoạch:

4.1. Dự báo quy mô dân số: dự kiến dân số qua các giai đoạn phát triển:

- Dân số hiện trạng (2010) : 267.061 người;
- Đến năm 2015 : 350.000 người;
- Đến năm 2020 : 424.000 người;
- Dự kiến khách vãng lai năm 2020: 500.000 người.

4.2. Cơ cấu sử dụng đất toàn khu vực quy hoạch:

STT	Loại đất	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung			
		Đến năm 2015		Đến năm 2020	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất dân dụng	1731,31	48,82	2015,82	56,84
1	- Đất khu ở	1072,08	30,23	927,68	26,16
2	- Đất hỗn hợp	23,79	0,67	88,12	2,49
3	- Đất công trình công cộng	94,67	2,67	124,91	3,52
4	- Đất cây xanh tập trung, thể dục	92,6	2,61	195	5,5

STT	Loại đất	Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung			
		Đến năm 2015		Đến năm 2020	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	thể thao - Đất cây xanh cảnh quan dọc sông, rạch	14,47	0,41	101,84	2,87
5	- Đất giao thông	433,7	12,23	578,27	16,3
II	Đất khác trong khu dân dụng	90,25	2,54	96,27	2,71
1	- Đất công trình công cộng cấp thành phố	84,91	2,39	90,93	2,56
2	- Đất tôn giáo	5,34	0,15	5,34	0,15
III	Đất ngoài dân dụng	1725,23	48,64	1434,7	40,45
1	- Đất công nghiệp	394,17	11,11	349,7	9,86
2	- Đất kho tàng	67,49	1,9	67,49	1,9
3	- Đất giao thông đối ngoại	148,54	4,19	156,8	4,42
4	- Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	11,02	0,31	7,01	0,2
5	- Đất công trình an ninh quốc phòng	8,3	0,23	8,3	0,23
6	- Đất cây xanh cách ly	8	0,23	8,0	0,23
7	- Đất sông rạch, mặt nước	871,41	24,57	837,4	23,61
8	- Đất nông nghiệp	216,3	6,1		
	Tổng cộng	3546,79	100	3546,79	100

4.3. Các chỉ tiêu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đô thị trong khu vực quy hoạch:

Dân số quận 7 dự kiến đến năm 2020 là 424.000 người, được phân bố thành 4 khu dân cư, với quy mô dân số từng khu và diện tích như sau:

- Khu 1: Nằm phía Tây Bắc của quận gồm các phường Tân Kiểng, phường Tân Quy, phường Tân Hưng và một phần phường Tân Phong. Diện tích đất tự nhiên là 638,79 ha; Dân số dự kiến năm 2020: 100.000 người.

- Khu 2: Nằm phía Bắc của quận gồm các phường Bình Thuận, phường Tân Thuận Tây, phường Tân Thuận Đông. Diện tích đất tự nhiên là 1.022,92 ha, trong đó diện tích sông rạch 199 ha, khu chế xuất Tân Thuận 300 ha; Dân số dự kiến năm 2020: 101.000 người.

- Khu 3: Nằm phía Tây - Nam của quận (khu đô thị Phú Mỹ Hưng) gồm một phần các phường Tân Phú, phường Tân Phong. Diện tích đất tự nhiên là 491,1 ha; Dân số dự kiến năm 2020 : 100.000 người.

- Khu 4: Nằm phía Nam của quận gồm các phường Phú Thuận, phường Phú Mỹ và một phần phường Tân Phú. Diện tích đất tự nhiên là 1.393,98 ha, trong đó diện tích sông rạch 494,9 ha, cụm công nghiệp Phú Mỹ 49,7 ha; Dân số dự kiến năm 2020: 123.000 người.

S TT	Loại chỉ tiêu	Đơn vị tính	Đồ án điều chỉnh quy hoạch		
			Đến năm 2015	Đến năm 2020	
A	Các chỉ tiêu sử dụng đất				
1	Diện tích tự nhiên	ha	3.546,79	3.546,79	
2	Dân số	người	350.000	424.000	
3	Mật độ dân số	người/ km ²	9868	11954	
4	Phân bố dân số				
	Khu 1 (phường Tân Kiểng, phường Tân Quy, phường Tân Hưng và một phần phường Tân Phong)	Diện tích	ha	638,79	638,79
		Dân số dự kiến	người	96.000	100.000
	Khu 2 (phường Bình Thuận, phường Tân Thuận Tây, phường Tân Thuận Đông)	Diện tích	ha	1022,92	1022,92
		Dân số dự kiến	người	100.000	101.000
	Khu 3 (khu A Nam Sài Gòn: một phần phường Tân Phú, phường Tân Phong)	Diện tích	ha	491,1	491,1
		Dân số dự kiến	người	70.000	100.000
	Khu 4 (phường Phú Thuận, phường Phú Mỹ và một phần phường Tân Phú)	Diện tích	ha	1.393,98	1.393,98
		Dân số dự kiến	người	84.000	123.000
5	Chỉ tiêu đất dân dụng		m ² /người	49,5	47,5
	- Đất khu ở		m ² /người	30,6	21,9
	- Đất hỗn hợp		m ² /người	0,7	2,1
	- Đất công trình công cộng		m ² /người	2,7	2,9
	- Đất cây xanh tập trung		m ² /người	2,7	4,6
	- Đất cây xanh cảnh quan dọc sông rạch		m ² /người	0,4	2,4
	- Đất giao thông		m ² /người	12,4	13,6
6	Mật độ xây dựng		%		
	- Khu dân cư hiện hữu		%	50 - 60	50 - 60
	- Khu dân cư phát triển		%	40	40
	- Khu công trình công cộng		%	30 - 35	30 - 35
	- Khu công viên		%	10	10
7	Tầng cao xây dựng		tầng		
	- Tối thiểu		tầng	2	2
	- Tối đa		tầng	Không khống chế (tùy khu vực)	Không khống chế (tùy khu vực)

B	Các chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật			
	Tiêu chuẩn cấp nước sinh hoạt	lít/người/ngày	180	180
	Tiêu chuẩn thoát nước sinh hoạt	lít/người/ngày	180	180
	Tiêu chuẩn cấp điện	kwh/người/năm	1.700	3.000
	Tiêu chuẩn chất thải rắn	kg/người/ngày	1,2	1,2

5. Định hướng quy hoạch phát triển không gian đô thị:

5.1. Quy hoạch sử dụng đất và phân khu chức năng:

5.1.1. Các đơn vị ở:

- Các khu vực dân cư hiện hữu ổn định có hệ thống hạ tầng đô thị tương đối tốt gồm một phần phường Tân Kiểng, phường Tân Quy, phường Tân Phong.

- Các khu dân cư phát triển mới gồm khu đô thị Phú Mỹ Hưng (thuộc khu đô thị mới Nam Sài Gòn, một phần phường Tân Hưng, phường Tân Phú, phường Phú Thuận, phường Phú Mỹ).

5.1.2. Các khu hỗn hợp: gồm 4 khu:

- Khu 1: Khu sông Ông Lớn (khoảng 10 ha), phường Tân Hưng, gồm các chức năng: Khu công trình dịch vụ đô thị (Trung tâm dịch vụ - thương mại - du lịch, trường học (trung học cơ sở), trung tâm y tế, khu thể dục thể thao, nhà ở chung cư cao tầng kết hợp khu công viên cây xanh).

- Khu 2: Khu vực phía Bắc phường Tân Thuận Đông gần cầu nối sang Thủ Thiêm (khoảng 25ha), gồm chức năng chính: Công trình dịch vụ đô thị kết hợp nhà ở cao tầng, cây xanh, trường trung học cơ sở.

- Khu 3: Khu vực phía Bắc phường Phú Thuận gần cầu Phú Mỹ (khoảng 20 ha), gồm chức năng chính: Công trình dịch vụ đô thị kết hợp nhà ở cao tầng, cây xanh, trường trung học cơ sở.

- Khu 4: Khu vực phía Tây đường Đào Trí (khoảng 27 ha), dọc đường Đào Trí, phường Phú Thuận, gồm chức năng chính: Công trình dịch vụ đô thị kết hợp nhà ở cao tầng, cây xanh, trường trung học phổ thông.

5.1.3. Hệ thống các trung tâm - dịch vụ đô thị:

Hệ thống trung tâm và các hạng mục công trình công cộng của quận bảo đảm đủ các loại hình phục vụ thiết yếu cho dân cư.

a) Hệ thống các trung tâm:

- Địa bàn quận 7 có khu trung tâm cấp thành phố ở khu vực phía Nam thuộc khu đô thị Phú Mỹ Hưng.

- Hệ thống trung tâm của quận theo mô hình kết hợp 3 dạng: tập trung, theo trục và phân tán.

+ Tập trung: Khu đô thị Phú Mỹ Hưng quy mô khoảng 60 ha - trung tâm các công trình dịch vụ thương mại, văn phòng, tài chính, y tế và các công trình vui chơi, giải trí.

+ Phát triển theo trục: gồm trục đường Nguyễn Văn Linh, đường Nguyễn Lương Bằng, đường Nguyễn Hữu Thọ, đường Huỳnh Tấn Phát, đường 15B và đường Đào Trí.

+ Phân tán: Trung tâm công cộng đơn vị ở (cấp phường) gồm các công trình công cộng phục vụ thường xuyên như công trình hành chính, thương mại dịch vụ, chợ, trạm y tế, trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, bố trí theo giải pháp phân tán và đảm bảo bán kính phục vụ.

b) Dịch vụ đô thị:

- Công trình hành chính các cấp:

+ Khu trung tâm hành chính quận tại khu đô thị Phú Mỹ Hưng.

+ Mỗi phường đều có công trình hành chính cấp phường.

- Mạng lưới thương mại dịch vụ:

+ Tập trung: Khu đô thị Phú Mỹ Hưng là trung tâm các công trình dịch vụ thương mại, văn phòng, tài chính, y tế và các công trình vui chơi, giải trí.

+ Phát triển theo trục: gồm trục đường Nguyễn Văn Linh, đường Nguyễn Lương Bằng, đường Nguyễn Hữu Thọ, đường Huỳnh Tấn Phát và đường Đào Trí.

+ Phân tán: Trung tâm công cộng đơn vị ở (cấp phường).

- Mạng lưới giáo dục:

+ Hệ thống đại học, cao đẳng đào tạo chuyên nghiệp gồm trường đại học RMIT, trường đại học An Ninh, trường đại học Tôn Đức Thắng... chủ yếu nằm trong khu đô thị mới Nam thành phố.

+ Hệ thống trường trung học phổ thông, trường dạy nghề cân đối chung trên địa bàn quận, bảo đảm đủ chỗ cho tất cả học sinh trong độ tuổi.

+ Mỗi đơn vị ở (phường) đều bố trí trường mẫu giáo, tiểu học và trung học cơ sở đảm bảo đủ quy mô và bán kính phục vụ, diện tích bình quân một chỗ học là 8 - 10m².

- Mạng lưới y tế: Các bệnh viện lớn gồm bệnh viện Pháp Việt, bệnh viện Tim Tâm Đức (thuộc Khu đô thị Phú Mỹ Hưng); Bệnh viện đa khoa quận 7. Ngoài ra trong các khu dân cư bố trí các trạm y tế quy mô mỗi trạm $\geq 500 \text{ m}^2$ (mở rộng mặt bằng và hiện đại hóa các trạm y tế hiện hữu).

- Mạng lưới câu lạc bộ - thể dục thể thao: Phát triển mạng lưới thể dục thể thao liên phường, trung tâm thể dục thể thao cấp quận tại khu vực phường Phú Mỹ.

- Mạng lưới văn hóa thông tin: gồm trung tâm văn hóa, thư viện, bảo tàng, khu triển lãm, rạp chiếu phim..., bố trí trong các khu ở mới và khu hỗn hợp.

5.1.4. Hệ thống cây xanh:

Hệ thống cây xanh đô thị trên địa bàn quận 7 bao gồm 3 nhóm chính:

- Cây xanh sử dụng công cộng: gồm các công viên lớn, tập trung như công viên Mũi Đèn Đỏ quy mô khoảng 50 ha thuộc phường Phú Thuận; công viên Hương Tràm quy mô 21 ha; công viên phường Bình Thuận; công viên quy mô 15

ha thuộc phường Phú Mỹ (phía Đông đường Huỳnh Tấn Phát); Công viên trung tâm Hồ Bán Nguyệt quy mô 15 ha thuộc đô thị Phú Mỹ Hưng, toàn bộ cây xanh cảnh quan ven sông Sài Gòn, sông Nhà Bè, sông Ông Lớn, rạch Dơi, rạch Đĩa,... và cây xanh sử dụng công cộng được bố trí phân tán trong các đơn vị ở (được thể hiện cụ thể trong quy hoạch chi tiết, quy hoạch phân khu).

- Cây xanh đường phố (cây xanh, thảm cỏ trồng trong phạm vi chỉ giới đường đỏ): quy hoạch cây xanh theo các tuyến đường chính, đường khu vực tạo thành mảng xanh liên hoàn cho đô thị.

- Cây xanh chuyên dụng: cây xanh cách ly hành lang tuyến điện, hành lang bảo vệ sông rạch.

5.1.5. Công nghiệp, kho tàng, cảng:

- Khu chế xuất Tân Thuận, quận 7 giữ quy mô 300 ha theo Quyết định số 3368/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt điều chỉnh cục bộ quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, có tính đến năm 2025.

- Khu cụm công nghiệp Phú Mỹ tại phường Phú Thuận, quận 7, điều chỉnh quy mô còn 49,7 ha theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2012 của Ủy ban nhân dân quận 7 về phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị tỷ lệ 1/2000 khu dân cư phía Nam rạch Bà Bướm, phường Phú Thuận, quận 7 và Công văn số 8581/BC-SCT ngày 09 tháng 11 năm 2011 của Sở Công thương.

- Đối với hệ thống cảng dọc sông Sài Gòn: thực hiện theo quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển khu vực thành phố Hồ Chí Minh - Đồng Nai - Bà Rịa - Vũng Tàu (nhóm cảng biển số 5) đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 791/QĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2005, cụ thể:

+ Cảng Gas sẽ di dời sau năm 2020;

+ Cảng Vic sẽ di dời sau năm 2020;

+ Cảng Bến Nghé sẽ di dời sau năm 2020;

+ Cảng Tân Thuận, cảng Rau Quả và cảng Lotus di dời trước năm 2010. Riêng đối với cảng Rau Quả, do không đủ năng lực thực hiện di dời nên đã kiến nghị và được Ủy ban nhân dân thành phố cùng Ban chỉ đạo di dời các cảng trên sông Sài Gòn báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho tiếp tục kinh doanh khai thác cảng đến 2020 và tiến hành chuyển đổi công năng tại chỗ theo quy hoạch.

5.2. Tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan đô thị:

5.2.1. Nguyên tắc tổ chức không gian:

- Ưu tiên các công trình đa chức năng, dịch vụ thương mại kết hợp với nhà ở tại các trục không gian và tuyến phố phát triển cao tầng.

- Hợp khối xây dựng công trình cao tầng, có nhịp điệu, có khoảng trống.

- Đảm bảo các điều kiện tự nhiên như ánh sáng - thông gió trong đô thị, tính liên tục theo trục không gian, và tính an toàn - tầm nhìn các phương tiện khi lưu thông trên trục đường chính cũng như khi ra vào tổ hợp công trình này.

- Đối với các trục không gian mở, hạn chế xây dựng công trình, chủ yếu tập trung hệ thống cây xanh mặt nước để khai thác cảnh quan và phục vụ nhu cầu thư giãn, sinh hoạt vui chơi giải trí, nghỉ ngơi của người dân, nên tổ chức nhiều trục đi bộ, khuyến khích xây dựng các công trình phục vụ luyện tập thể dục thể thao.

- Đối với khu trung tâm, việc tổ chức không gian phải đảm bảo cung cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị; khuyến khích bố cục hợp khối cao tầng dành đất phát triển cây xanh tạo cảnh quan; thống nhất khoảng lùi và tầng cao xây dựng; tuân thủ tính trật tự hệ thống nhưng vẫn linh hoạt sáng tạo về bố cục sử dụng vật liệu thiết kế và bao che công trình; đảm bảo an toàn; đồng thời phát huy bản sắc, tạo được dấu ấn riêng đặc trưng của vùng sông nước.

- Quảng trường sẽ nằm xen cài với các khu công viên cây xanh tập trung bao gồm: khu vực Hồ Bán Nguyệt thuộc khu đô thị Phú Mỹ Hưng; khu công viên Hương Tràm tại phường Bình Thuận và khu công viên Mũi Đèn Đỏ tại phường Phú Thuận.

5.2.2. Bố cục mặt bằng không gian đô thị:

- Toàn quận được chia thành 4 khu, được xác định như sau:

+ Khu 1: Nằm phía Tây Bắc của quận gồm các phường Tân Kiểng, phường Tân Quy, phường Tân Hưng và một phần phường Tân Phong, diện tích đất tự nhiên 638,79 ha với dân số dự kiến năm 2020 là 100.000 người, chỉ tiêu đất ở bình quân 24,1 m²/người. Chức năng là khu ở hiện hữu chính trang và các công trình công cộng với các trường đại học (trường đại học RMIT, trường đại học An Ninh, trường đại học Tôn Đức Thắng,...), công trình dịch vụ thương mại, trường trung học phổ thông, công trình cao tầng xây dựng mới tại các khu đất công nghiệp - kho tàng chuyển đổi công năng và theo trục đường Nguyễn Hữu Thọ, đường Nguyễn Thị Thập.

+ Khu 2: Nằm phía Bắc của quận gồm các phường Bình Thuận, phường Tân Thuận Tây, phường Tân Thuận Đông, diện tích đất tự nhiên 1022,92 ha với dân số dự kiến năm 2020 là 101.000 người, chỉ tiêu đất ở bình quân 17,5 m²/người. Chức năng là khu ở có nhiều dân cư hiện hữu, giải pháp chính là cải tạo nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật và thực hiện đầu tư xây dựng các dự án mới dọc trục đường Nguyễn Văn Linh, khu hỗn hợp ở phía Bắc phường Tân Thuận Đông theo dạng tổ hợp từng nhóm công trình cao tầng. Công trình phúc lợi công cộng có Trung tâm văn hóa - thể dục thể thao quận 7, trường phổ thông cơ sở và các công trình công cộng khác. Khu chế xuất Tân Thuận giữ nguyên quy mô 300 ha.

+ Khu 3: Nằm phía Tây - Nam của quận (khu đô thị Phú Mỹ Hưng) gồm một phần các phường Tân Phú, phường Tân Phong, diện tích đất tự nhiên 491,1 ha với dân số dự kiến năm 2020 là 100.000 người, chỉ tiêu đất ở bình quân 15,9

m²/người. Chức năng là khu đô thị mới, trung tâm cấp thành phố, kiến trúc hiện đại gồm khu ở đồng bộ, các công trình phúc lợi công cộng lớn như trường phổ thông cơ sở, trường trung học phổ thông, bệnh viện, trung tâm hành chính quận và các công trình công cộng khác.

+ Khu 4: Nằm phía Nam của quận gồm các phường Phú Thuận, phường Phú Mỹ và một phần phường Tân Phú, diện tích đất tự nhiên 1393,98 ha với dân số dự kiến năm 2020 là 123.000 người, chỉ tiêu đất ở bình quân 28,5 m²/người. Chức năng là khu ở phát triển mới với cơ sở hạ tầng đô thị đồng bộ dọc đường Huỳnh Tấn Phát, đường Đào Trí, đường Phú Thuận, đường 15B, đường Hoàng Quốc Việt và đường Phạm Hữu Lầu (các trục đường động lực của quận 7) với các nhóm nhà cao tầng làm hạt nhân khu ở. Trung tâm thể dục thể thao, các khu công viên cây xanh tập trung, khu dịch vụ thương mại, trường trung học phổ thông.

5.2.3. Tổ chức không gian đô thị cho các khu vực tiêu biểu:

a) Cửa ngõ đô thị:

- Phía Bắc tại khu vực cầu Tân Thuận 1, 2 và cầu Thủ Thiêm 4 tiếp cận khu vực quận 1, quận 2, quận 4.

- Phía Đông tại khu vực cầu Phú Mỹ tiếp cận quận 2 và hướng sang quận Thủ Đức, quận 9.

- Phía Tây tại khu vực nút giao thông đường Nguyễn Văn Linh và đường Nguyễn Hữu Thọ, tiếp cận với quận 8 và huyện Bình Chánh.

- Phía Nam tại khu vực cầu Phú Xuân 1, 2 tiếp cận với huyện Nhà Bè, huyện Cần Giờ.

b) Các trục không gian và tuyến phố chính:

- Trục không gian và các tuyến phố phát triển công trình cao tầng: trục đường Nguyễn Hữu Thọ, đường Nguyễn Văn Linh, đường Nguyễn Thị Thập, đường Nguyễn Lương Bằng và đường Huỳnh Tấn Phát.

- Trục không gian mở (hạn chế xây dựng): khu vực dọc sông Sài Gòn, sông Nhà Bè, sông Đồng Nai, sông Ông Lớn, rạch Dơi, rạch Đĩa, sông Phú Xuân.

6. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

6.1. Quy hoạch giao thông:

- Hệ thống giao thông đối ngoại:

+ Đường bộ:

* Đường trên cao số 3: Theo Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 1 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020, tuyến đường trên cao số 3 được kết nối từ đường trên cao số 2 đến đường Nguyễn Văn Linh, phương án tuyến và quy mô dự án sẽ được xác định cụ thể khi dự án được nghiên cứu, triển khai theo quy định.

* Đường Nguyễn Văn Linh với chức năng là đường đô thị, lộ giới 120m là đường trục chính đảm bảo cân bằng chức năng giao thông và không gian đô thị và kết nối mạng lưới giao thông liên khu vực.

* Đường Nguyễn Hữu Thọ: Là tuyến đường trục Bắc Nam thành phố nối kết giữa quận 7 với quận 4 và huyện Nhà Bè qua cầu Kênh Tẻ và cầu Rạch Đĩa 2, lộ giới 60m.

* Đường Huỳnh Tấn Phát: Kết nối tiếp đường Lưu Trọng Lư tạo thành trục đường Bắc Nam của quận, nối kết giữa quận 7 với huyện Nhà Bè và quận 2, lộ giới 30m.

+ Đường sắt đô thị: Theo Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 1 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020, tuyến đường sắt đô thị số 4 đi trong hành lang các tuyến đường Lê Văn Lương - đường Nguyễn Văn Linh - đường Nguyễn Hữu Thọ và tuyến xe điện số 2 đi trong hành lang đường Nguyễn Văn Linh - đường Lưu Trọng Lư - cầu Thủ Thiêm 4 - quận 2, phương án tuyến, vị trí và quy mô các nhà ga bố trí dọc tuyến sẽ được xác định cụ thể khi dự án được nghiên cứu, triển khai theo quy định.

+ Đường thủy: Căn cứ theo Quyết định số 66/2009/QĐ-UBND ngày 14 tháng 9 năm 2009 về duyệt Quy hoạch mạng lưới đường thủy và cảng, bến khu vực thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ nay đến năm 2020, các tuyến sông, rạch có chức năng giao thông thủy và phân cấp hạng kỹ thuật như sau: sông Sài Gòn cấp I, sông Nhà Bè cấp I, Kênh tẻ cấp II, rạch Ông Lớn cấp IV, rạch Đĩa cấp IV, rạch Roi cấp IV, sông Phú Xuân cấp IV, rạch Ông Tư Dinh cấp VI, rạch Cả Cấm cấp VI và rạch Tắc Rôi cấp VI. Hành lang bảo vệ sông, rạch nêu trên theo Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Hệ thống giao thông đôi nội:

+ Đường bộ:

* Đối với các đường hiện hữu: tiếp tục thực hiện cải tạo, nâng cấp mở rộng lộ giới đường theo quy hoạch được duyệt, đảm bảo khai thác hiệu quả tối đa về chức năng giao thông và đạt chỉ tiêu tỷ lệ, mật độ giao thông theo quy định.

* Đối các đường dự phóng: thực hiện quản lý chặt chẽ, tiếp tục đầu tư xây dựng, hoàn thiện mạng lưới giao thông của khu vực đảm bảo khai thác giao thông hiệu quả.

+ Hệ thống bến bãi: Trên cơ sở Quyết định số 101/QĐ-TTg ngày 22 tháng 1 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020 và tầm nhìn sau năm 2020, quy hoạch bến bãi trên địa bàn quận 7 chiếm 24 ha, dự kiến được phân bổ và xác định như sau:

- * Đầu mối trung chuyển hành khách: 1,0 ha (khu cảng Tân Thuận Đông);
- * Bãi đậu xe taxi: 1,0 ha (khu cảng Rau Quả);
- * Bãi đậu xe ô tô: 2,0 ha (khu cảng Lotus);
- * Trung tâm chuyên tiếp hàng hóa: 20 ha (bao gồm 6,0 ha bố trí tại khu cảng Bến Nghé, 4,0 ha tại khu cảng Vic, 10,0 ha tại khu cảng Tân Thuận 1 và 2).

+ Các nút giao thông chính: Ưu tiên nghiên cứu giải pháp tổ chức giao thông khác mức giữa đường Nguyễn Văn Linh với các tuyến đường giao thông đối ngoại, đảm bảo khai thác hiệu quả tối đa chức năng giao thông đường Nguyễn Văn Linh.

6.2. Quy hoạch cao độ nền và thoát nước mặt (chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng):

- Quy hoạch cao độ nền:

+ Giải pháp quy hoạch chiều cao áp dụng cho từng khu vực xây dựng cụ thể:

* Khu vực có nền đất cao: cải tạo nền theo hướng bám sát cao độ tự nhiên.

* Khu vực có nền đất thấp: đắp nền triệt để theo cao độ khống chế qui định đối với những khu vực xây dựng công trình, riêng với những khu hiện hữu cải tạo khuyến cáo nâng dần nền đạt cao độ khống chế, kết hợp với hoàn thiện hệ thống thoát nước giải quyết ngập úng.

+ Cao độ nền khống chế chung cho toàn bộ khu vực: $H_{xd} \geq 2.00m$ - Hệ VN2000.

- Quy hoạch thoát nước mặt:

+ Hệ thống thoát nước khu vực quận 7 nghiên cứu đề xuất trên cơ sở Quy hoạch chung thành phố và Quy hoạch thủy lợi chống ngập úng khu vực thành phố Hồ Chí Minh, với các định hướng chính:

+ Cải tạo nạo vét các tuyến sông rạch chính làm trục thoát nước cấp 1. Các tuyến rạch nhánh có vai trò quan trọng trong việc tổ chức thoát nước đề nghị khuyến cáo giữ lại.

+ Tổ chức lại mạng lưới thoát nước hiện trạng và xây dựng mới các tuyến cống theo nguyên tắc: giữ lại các tuyến cống hiện trạng đang phục vụ thoát nước hiệu quả cho khu vực, xây dựng mới các tuyến cống chính có tính hệ thống theo các lưu vực thoát nước tổng thể.

+ Với các khu vực xây dựng mới: bố trí cống ngầm dọc tất cả các trục đường giao thông theo nguyên tắc thoát riêng nước bản và nước mưa, các tuyến cống chính được tổ chức theo lưu vực tổng thể.

+ Nguồn thoát nước: tập trung thoát đổ ra hệ thống các kênh rạch cắt qua khu vực thuộc chi lưu sông Ông Lớn, sông Phước Long, sông Phú Xuân, sông Sài Gòn và sông Nhà Bè.

+ Thông số kỹ thuật mạng lưới: độ sâu chôn cống tối thiểu $H_c = 0,70\text{m}$; độ dốc cống tối thiểu đảm bảo khả năng tự làm sạch cống.

6.3. Quy hoạch cấp năng lượng và chiếu sáng (Quy hoạch cấp điện):

- Chỉ tiêu cấp điện:

+ Chỉ tiêu cấp điện sinh hoạt: $1700 \div 3000 \text{ KWh/người/năm}$.

+ Chỉ tiêu cấp điện khu công nghiệp - khu chế xuất: $300 \div 500 \text{ KW/ha}$.

+ Kho tàng, bến bãi: $120 \div 150 \text{ KW/ha}$.

+ Điện công cộng dịch vụ thương mại lấy bằng 80% - 90% điện sinh hoạt.

- Quận 7 được cấp điện từ các trạm 110/15-22KV:

+ Giai đoạn năm 2006-2010:

* Trạm Nam Sài Gòn 1 hiện hữu cải tạo: 40+63 MVA.

* Xây dựng mới trạm Nam Sài Gòn 3: 1x63 MVA.

+ Giai đoạn năm 2011-2015:

* Trạm hiện hữu cải tạo: Nam Sài Gòn 1 (2x63MVA), Việt Thành (2x63MVA), Nam Sài Gòn 3 (2x63MVA), Tân Thuận (3x63MVA).

* Xây dựng mới trạm Phú Mỹ Hưng A1 (2x40MVA), Phú Mỹ (2x63MVA).

+ Giai đoạn 2016-2020:

* Nâng công suất các trạm hiện hữu: Việt Thành, Nam Sài Gòn 1, Nam Sài Gòn 2, Tân Thuận lên 3x63MVA.

* Xây dựng mới trạm 220/110KV quận 7 (Việt Thành)-3x250MVA.

- Xây dựng các nhánh rẽ 110KV cấp điện cho các trạm 110KV xây dựng mới dùng cáp ngầm.

- Xây dựng mới các trạm biến thế 15-22/0,4KV dùng máy biến thế 3 pha công suất $\geq 400\text{KVA}$, đặt trong nhà, trạm phòng, trạm compact.

- Mạng trung thế 15KV hiện hữu sẽ được nâng cấp cải tạo và thay thế bằng cáp ngầm 24KV; Tháo gỡ các đoạn và nhánh rẽ không phù hợp.

- Xây dựng mới các tuyến 22KV cấu trúc mạch vòng, xuất phát từ trạm 110KV dẫn dọc theo các trục đường giao thông dùng cáp đồng bọc XLPE-24KV chôn ngầm.

6.4. Quy hoạch cấp nước:

- Nguồn cấp nước: Sử dụng nguồn nước máy thành phố, dựa vào các tuyến ống cấp nước máy thuộc Nhà máy nước Thủ Đức và Nhà máy nước BOO Thủ Đức.

- Chỉ tiêu cấp nước:
 - + Sinh hoạt: 180 lít/người/ngày;
 - + Nước công nghiệp: 40 m³/ha/ngày.
- Tổng nhu cầu dùng nước: $Q_{\max 2015} = 161.720 \text{ m}^3/\text{ngày};$
 $Q_{\max 2020} = 200.830 \text{ m}^3/\text{ngày}.$
- Chỉ tiêu cấp nước chữa cháy: 75 lít/s cho 1 đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời cùng lúc là 3 đám cháy.
- Mạng lưới cấp nước:
 - + Các tuyến ống hiện trạng được cập nhật và các tuyến ống được thiết kế mới phù hợp với định hướng quy hoạch chung cấp nước thành phố. Đầu nối mạng lưới bên trong khu quy hoạch với các tuyến ống cấp I hiện trạng và xây dựng mới
 - + Thiết kế mạng lưới theo mạng vòng với nguyên tắc mạng lưới phải bao trùm được các điểm tiêu thụ, các tuyến ống chính đặt theo các đường phố lớn, ống nhánh nối vào ống chính phân phối nước cấp tới từng khu chức năng, nơi tiêu thụ.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy: Dựa trên các tuyến ống cấp nước của khu quy hoạch bố trí các trụ lấy nước chữa cháy với bán kính phục vụ 150m. Ngoài ra, xây dựng 06 điểm lấy nước mặt dự phòng cho công tác chữa cháy.

6.5. Quy hoạch thoát nước thải và xử lý chất thải rắn:

a) Thoát nước thải:

- Chỉ tiêu thoát nước bản sinh hoạt: 180 lít/người/ngày.
- Chỉ tiêu thoát nước công nghiệp: 40 m³/ha/ngày.
- Tổng lượng thoát nước thải:
 - + Sinh hoạt: $Q_{\max sh 2015} = 118.557 \text{ m}^3/\text{ngày};$
 $Q_{\max sh 2020} = 143.194 \text{ m}^3/\text{ngày}.$
 - + Công nghiệp: $Q_{\max cn 2015} = 17.343 \text{ m}^3/\text{ngày};$
 $Q_{\max cn 2020} = 15.387 \text{ m}^3/\text{ngày}.$
- Giải pháp thoát nước bản:
 - + Sử dụng hệ thống cống thoát nước bản riêng để thu gom nước thải. Nước thải phân tiêu được xử lý bằng bể tự hoại trước khi thoát vào cống thu gom nước bản.
 - + Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT mới được thoát ra môi trường tự nhiên.
 - + Nước thải công nghiệp: Được xử lý cho từng khu công nghiệp, không xử lý chung với nước thải sinh hoạt. Nước thải sau khi xử lý phải đạt tiêu chuẩn ghi ở QCVN 40:2011/BTNMT mới được thoát ra môi trường tự nhiên.

- Mạng lưới thoát nước thải: Các tuyến cống được thiết kế phù hợp với định hướng quy hoạch chung thoát nước thải của thành phố. Phù hợp với giải pháp thoát nước thải.

b) Xử lý chất thải rắn:

- Chỉ tiêu:

+ Rác thải sinh hoạt: 1,0 - 1,2 kg/người/ngày.

+ Rác thải công nghiệp: 0,5 tấn/ha/ngày.

- Tổng lượng rác thải sinh hoạt: $W_{2015} = 350,0$ tấn/ngày;

$W_{2020} = 509,0$ tấn/ngày.

- Tổng lượng rác thải công nghiệp: $W_{2015} = 197,0$ tấn/ngày.

$W_{2020} = 175,0$ tấn/ngày.

- Phương án xử lý rác thải:

+ Rác thải sinh hoạt: Rác thải phải được phân loại và đưa đến trạm ép rác kín, đưa về các khu liên hợp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

+ Rác thải công nghiệp: Rác thải công nghiệp phải được phân loại, thu gom, đưa về các khu liên hợp xử lý chất thải tập trung của thành phố theo quy hoạch.

- Nhà vệ sinh công cộng: Được bố trí trên các đường phố chính và trong các khu công trình công cộng.

6.6. Bản đồ tổng hợp đường dây đường ống: Việc bố trí, sắp xếp đường dây, đường ống kỹ thuật có thể thay đổi trong các bước triển khai thiết kế tiếp theo (thiết kế cơ sở, thiết kế kỹ thuật thi công của dự án) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

*** Lưu ý chung:**

- Quy mô chiếm dụng đất đối với các vị trí nút giao thông có bán kính không chế thể hiện trong đồ án sẽ được xác định chính xác khi có dự án cụ thể.

- Việc cải tạo xây dựng liên quan đến hệ thống kênh rạch tự nhiên trong khu vực phải thông qua ý kiến của các đơn vị quản lý chuyên ngành.

- Với cống thoát nước đề xuất quy hoạch mới: vị trí, các thông số kỹ thuật chi tiết cũng như phân đoạn đầu tư xây dựng, đề nghị trong các giai đoạn thiết kế đầu tư xây dựng cụ thể sẽ hoàn chỉnh đảm bảo sự phù hợp với điều kiện hiện trạng và kế hoạch đầu tư hạ tầng kỹ thuật của khu vực.

- Việc xây dựng các tuyến 110KV dẫn dọc theo các trục đường giao thông phải có ý kiến của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền.

- Cập nhật chính xác hướng tuyến 110KV Nhà Bè - An Nghĩa hiện hữu cải tạo sau khi có phương án tuyến cụ thể.

7. Các điểm lưu ý khác:

- Hồ sơ đồ án này được lập theo nội dung Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 1 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng và lập trước ngày 20 tháng 9 năm 2010 (ngày hiệu lực của Thông tư số 10/2010/TT-BXD ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Xây dựng về quy định hồ sơ của từng loại quy hoạch đô thị).

- Đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7 mang tính định hướng phát triển không gian và quy hoạch tổng mặt bằng cho quận 7 trên cơ sở điều chỉnh quy hoạch chung thành phố 2025 và nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7 được duyệt.

- Đối với các khu vực đang trong quá trình nghiên cứu thực hiện quy hoạch (chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc đã được chấp thuận chủ trương), chưa thể cập nhật vào nội dung Quyết định phê duyệt này, sẽ được rà soát cập nhật điều chỉnh cục bộ khi thực hiện quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 tại khu vực.

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan:

- Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân quận 7, Ban Quản lý dự án quy hoạch xây dựng thành phố Hồ Chí Minh, Viện Quy hoạch xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác của các số liệu đánh giá hiện trạng và phải đảm bảo phù hợp quy chuẩn, quy định của các số liệu trong hồ sơ, bản vẽ trình duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7, thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020.

- Trên cơ sở nội dung đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng được duyệt này, giao Ủy ban nhân dân quận 7 chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Viện Quy hoạch xây dựng tổ chức lập Quy chế quản lý quy hoạch - kiến trúc đô thị và Ban hành Quy định quản lý theo đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7 được duyệt; đồng thời rà soát và triển khai lập, điều chỉnh quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật, quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000, quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, thiết kế đô thị để cụ thể hóa đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư hạ tầng kỹ thuật khung của đô thị và các dự án đầu tư xây dựng.

- Ủy ban nhân dân quận 7 có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Viện Quy hoạch xây dựng tổ chức công bố, công khai đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng quận 7 theo quy định tại Quyết định số 49/2011/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về công bố công khai và cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Lập danh mục các dự án, chương trình đầu tư, các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội theo thứ tự ưu tiên nhằm hiện thực hóa đồ án quy hoạch chung xây dựng.

- Cập nhật, rà soát đối với các đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng đô thị 1/2000 đã được duyệt, các đồ án đang điều chỉnh cũng như các khu chức năng chuyển đổi (nếu được sự chấp thuận của cấp thẩm quyền) để có cân đối tính toán bổ sung đủ các chỉ tiêu quy hoạch kiến trúc đã xác định, các chỉ tiêu về hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với quy mô dân số đến năm 2020.

- Phối hợp chặt chẽ cùng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Giao thông Vận tải để có thống nhất về việc quản lý, san lấp các kênh rạch tại khu vực. Tại các sông rạch, tuyến kênh mương giữ lại, việc tổ chức các công trình hạ tầng, các tuyến đường dọc kênh, các khoảng cách ly trồng cây,... cần tuân thủ theo quy định tại Quyết định số 150/2004/QĐ-UB ngày 09 tháng 6 năm 2004 của Ủy ban nhân dân thành phố.

- Về tổ chức giao thông, cấm mốc các tuyến đường cần được đối chiếu và khớp nối với các dự án xung quanh khu vực đã có pháp lý phê duyệt, cũng như các dự án đang triển khai...

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Giám đốc Sở Xây dựng, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Viện trưởng Viện nghiên cứu phát triển thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận 7, Ban Quản lý đô thị xây dựng công trình quận 7, Giám đốc Viện Quy hoạch xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND/TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: Các PVP;
- Các Phòng Chuyên viên;
- Lưu: VT, (ĐTMT-N) D.10

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tín

10

